

# Nhận thức của sinh viên Trường Đại học Sài Gòn về hình thức dạy học Blended learning

Hoàng Mạnh Khương\*

\*Giảng viên Trường Đại học Sài Gòn

Received: 3/02/2024; Accepted: 16/02/2024; Published: 21/02/2024

**Abstract:** In Vietnamese universities, since the Covid 19 pandemic broke out, the use of blended learning as a form of teaching and learning has become an urgent requirement. Blended learning brings many benefits, but there are also many difficulties, and challenges and the choice of which model to apply is still a new issue. The article presents the results of a survey of the perception of 373 students of pedagogical majors at Saigon University on the benefits, difficulties, challenges, and choice of the learning model. The results are used as a reference for school managers when planning teaching and learning in the form of blended learning

**Keywords:** Teaching, Blended learning, university, students.

## 1. Mở đầu

**1.1. Blended learning là gì?** Horn và Staker (2014) định nghĩa Bended learning là một chương trình giáo dục trong đó một phần sinh viên (SV) học thông qua trực tuyến và một phần học trực tiếp, được giảng viên (GV) kiểm soát về thời gian, địa điểm, lộ trình và tất cả đặt trong một sự tích hợp thống nhất. Ở Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định Blended learning là việc kết hợp phương thức học tập điện tử (online/e-learning) với phương thức dạy - học truyền thống (face to face) nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và chất lượng giáo dục (MOET, 2016).

**1.2. Những ưu điểm, lợi ích khi sử dụng Blended learning:** Theo Bonk và Graham (2016) dạy học Blended learning có 6 lợi ích, gồm: Hoạt động dạy học có cơ hội diễn ra nhiều, đa dạng hơn, kết hợp chặt chẽ và đạt hiệu quả cao hơn; dễ truy cập tri thức; tăng sự tương tác xã hội; tạo cơ hội để tăng tính tự chủ của người học; giảm chi phí, tăng hiệu quả của hoạt động dạy học; và dễ dàng sửa đổi thời gian, cách dạy học, cách giao tiếp.

**1.3. Những khó khăn, thách thức khi sử dụng Blended learning:** Cũng theo Bonk và Graham, ngoài những lợi ích đem lại hình thức dạy học này cũng mang đến 6 khó khăn, thách thức cho người dùng, gồm: Sự tương tác trực tiếp bị hạn chế; SV có thể gặp khó khăn trong lựa chọn các hoạt động học tập; việc xây dựng và duy trì một hệ thống quản lý dạy học chất lượng, an toàn, hiệu quả là rất khó khăn; áp lực đặt ra cao trong thiết kế các hoạt động học tập sáng tạo, lựa chọn và sử dụng công nghệ phù hợp; yêu cầu thích nghi với những sự khác biệt về văn

hóa, thói quen, phong cách học tập... là một áp lực lớn; và người dạy và người học khó có đủ và đồng bộ các thiết bị cơ bản cho học tập.

**1.4. Mô hình học tập,** theo Bokolo et al. (2020), có thể lựa chọn theo 4 mô hình với quy trình theo các bước: 1) Quy trình 1 với ba bước (học trên lớp lần 1, học qua mạng và học trên lớp lần cuối); 2) Quy trình 2 (Tự học trực tuyến để nắm thông tin cơ bản của bài học; học trên lớp tích cực, hướng trọng tâm vào việc ứng dụng kiến thức; và học trực tuyến hỗ trợ vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học); 3) Quy trình 3 với bốn bước (Bài học được GV giảng trên lớp; trao đổi, thảo luận trên lớp; cá nhân tự học hoặc học nhóm qua mạng; và toàn bộ SV học giáp mặt để hoàn thiện các kiến thức đã học); và 4) Quy trình 4 với năm bước (GV giới thiệu mục tiêu, cấu trúc bài học và xác định trách nhiệm của người dạy và người học (trên lớp); GV hướng dẫn SV tìm hiểu nội dung học tập trên lớp; thông qua mạng SV tự học để biết, hiểu sâu hơn mục tiêu, nội dung bài học; GV và SV thực hiện việc áp dụng bài học, thảo luận và giải quyết các vướng mắc trên lớp; và bước 5, GV và SV đánh giá kết quả dạy học trên lớp.

Như vậy, có thể có nhiều cách để bố trí theo cách kết hợp giữa học trực tuyến với học trực tiếp trong Blended learning, tùy thuộc vào điều kiện và đặc điểm ngành học, làm sao để có hiệu quả dạy học cao nhất. Chúng tôi đưa ra cơ cấu thời gian học giữa trực tuyến và trực tiếp để khảo sát là: Thời lượng học trực tuyến 30% và học trực tiếp 70%; 20% trực tuyến và 80% trực tiếp; 40%/60%; và 50%/50%.

## 2. Kết quả nghiên cứu

## 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để khảo sát nhận thức của SV, chúng tôi thiết kế bảng hỏi với các nhóm vấn đề:

- Về ưu điểm, lợi ích của blended learning có 6 câu hỏi tương ứng với 6 ưu điểm, lợi ích nêu tại mục 1.2: 1) Hoạt động dạy học có cơ hội diễn ra nhiều, đa dạng hơn, kết hợp chặt chẽ và đạt hiệu quả cao hơn; 2) Dễ truy cập tri thức do có nhiều nguồn học liệu và có nhiều cách để truy cập tài liệu; 3) Người dạy, người học được chủ động hơn về mặt thời gian, không bị ràng buộc; 4) Tạo cơ hội để tăng tính tự chủ của người học; 5) Giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh tế của dạy và học; và 6) Dễ dàng sửa đổi thời gian, cách dạy học, cách giao tiếp.

- Về các khó khăn, thách thức với 6 nội dung tương ứng các khó khăn, thách thức nêu tại mục 1.3: 1) Sự tương tác trực tiếp bị hạn chế, cụ thể là sự tương tác trực tiếp giữa GV và SV, giữa SV và SV có thể bị giảm sút do nhiều yếu tố; 2) SV có thể gặp khó khăn trong lựa chọn các hoạt động học tập phù hợp với mục tiêu, năng lực và sở thích; có thể không có đủ kỹ năng tự quản lý học tập; có thể bị sao nhãng, mất tập trung hoặc thiếu động lực; 3) Việc xây dựng và duy trì một hệ thống quản lý dạy học chất lượng, an toàn, hiệu quả là rất khó khăn (do thiếu phương tiện, cơ sở hạ tầng, phần mềm); 4) Áp lực đặt ra cao trong thiết kế các hoạt động học tập sáng tạo, lựa chọn và sử dụng công nghệ phù hợp để hỗ trợ học tập, đồng thời tránh phụ thuộc quá mức vào công nghệ; 5) Yêu cầu thích nghi với những sự khác biệt về văn hóa, thói quen, phong cách học tập, kỳ vọng của người dạy và người học sẽ là một áp lực trong việc tạo ra một môi trường học tập hiệu quả, thân thiện và đa dạng; và 6) Người dạy và người học khó có đủ và đồng bộ các thiết bị cơ bản như máy tính, điện thoại thông minh, đường truyền Internet để tham gia vào các hoạt động học tập, truy cập học liệu trực tuyến.

- Về sự lựa chọn cơ cấu thời lượng giữa học online và học trực tiếp với 4 phương án: Phương án 1 là 30% online/70% trực tiếp, phương án 2: 20%/80%, phương án 3: 40%/60% và phương án 4: 50%/50% và đề nghị SV chọn phương án học cho là hợp lý nhất.

Khách thể khảo sát là 373 SV các ngành sư phạm của Trường Đại học Sài Gòn (bao gồm đào tạo GV tiểu học và GV dạy các bộ môn cấp trung học). Hầu hết SV được chọn là SV năm 2 và họ đã trải qua các lớp học trực tuyến trong những năm xảy ra đại dịch Covid 19. Đặc điểm là những SV này đã có “kinh nghiệm” về học trực tuyến và trực tiếp cả ở phổ

thông, đại học và thuộc khối ngành có thời lượng học thực hành ít. Thang điểm đánh giá gồm 5 bậc, được lượng hóa thành điểm ở mức thấp nhất là 1 điểm và cao nhất là 5 điểm. Điểm trung bình cũng được tính để xem xét về mức độ nhận thức chung.

## 2.2. Kết quả khảo sát

### 2.2.1. Đánh giá về những ưu điểm, lợi ích của dạy học Blended learning

Ưu điểm, lợi ích được đánh giá cao nhất là dạy học Blended learning sẽ “Tăng sự tương tác xã hội, người dạy, người học được chủ động hơn về mặt thời gian, không bị ràng buộc” (ĐTB 4,36), có trên 85% SV đánh giá mức điểm 4 và 5; kể đến là “Dễ truy cập tri thức do có nhiều nguồn học liệu và có nhiều cách để truy cập tài liệu” (ĐTB 4,27) với hơn 83% đánh giá tốt và rất tốt. Trong khi đó, những nội dung bị cho là lợi ích thấp nhất gồm “Hoạt động dạy học có cơ hội diễn ra nhiều, đa dạng hơn, kết hợp chặt chẽ và đạt hiệu quả cao hơn” (ĐTB 4,0) và “Giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh tế của dạy và học” (ĐTB 4,09), cả hai có xấp xỉ 25% số SV đánh giá mức dưới trung bình.

Như vậy, SV đánh giá cao về tăng sự tương tác xã hội và sự đa dạng của phương pháp truy cập tri thức (do có nhiều nguồn tài liệu, nội dung phong phú và dễ truy cập). Nhưng lại cho rằng lợi ích về sự đa dạng trong cơ hội học tập và sự kết hợp chặt chẽ hơn và chi phí xã hội không phải là lợi ích nổi trội. Kết quả này phản ánh một thực tế về chất lượng học tập không cao, tương tác thầy trò gặp khó và có phát sinh chi phí cá nhân khi học trực tuyến.

### 2.2.2. Nhận thức về khó khăn, thách thức khi sử dụng Blended learning

Điểm đáng mừng là sự đánh giá về khó khăn, thách thức tất cả các nội dung đều có ĐTD dưới 4, cho thấy SV nhận thức rằng khó khăn, thách thức không quá lớn, lợi ích thu được vẫn cao hơn. Hai nội dung được cho là khó nhất gồm “SV gặp khó khăn trong lựa chọn các hoạt động học tập phù hợp với mục tiêu, năng lực và sở thích; có thể không có đủ kỹ năng tự quản lý học tập; có thể bị sao nhãng, mất tập trung hoặc thiếu động lực” (ĐTB 3,71 và 27,1% cho là rất khó khăn) và “Người dạy và người học khó có đủ và đồng bộ các thiết bị cơ bản như máy tính, điện thoại thông minh, đường truyền Internet để tham gia vào các hoạt động học tập, truy cập học liệu trực tuyến” (ĐTB 3,68 với 31,1% đánh giá rất khó khăn).

Trong khi “Yêu cầu thích nghi với những sự khác biệt về văn hóa, thói quen, phong cách học tập, kỳ vọng của người dạy và người học sẽ là một áp lực

trong việc tạo ra một môi trường học tập hiệu quả, thân thiện và đa dạng” và “Sự tương tác trực tiếp bị hạn chế, cụ thể là sự tương tác trực tiếp giữa GV và SV, giữa SV và SV có thể bị giảm sút do nhiều yếu tố” được cho là ít khó khăn nhất (ĐTB lần lượt là 3,53 và 3,59).

Kết quả cho thấy SV cho rằng việc lựa chọn cách học thích hợp và kỹ năng tự quản học tập và tự trang bị thiết bị học tập để đáp ứng là khó khăn; còn khác phục sự khác biệt về văn hóa, sở thích và ít tương tác trực tiếp không phải là vấn đề quá khó. Điều này phản ánh chính xác tình trạng học trực tuyến trong đại dịch Covid 19, điểm thách thức kết quả học lớn nhất là kỹ năng học, ý thức tự giác học tập và thiết bị công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng công nghệ thông tin nói chung và thiết bị đầu cuối của cá nhân SV). Theo quan sát thực tế của chúng tôi, khi học trực tuyến có một bộ phận sinh viên học đối phó, đôi lúc họ vào phòng học online chỉ để điểm danh, không thực học. Ngược lại một bộ phận sinh viên lại khó khăn khi ở phòng trọ mạng Internet yếu, nhiều bạn không có máy tính học, qua điện thoại đời cũ... thường xuyên bị trở ngại. Cũng có những sinh viên kỹ năng thao tác trên các phương tiện học rất yếu.

### 2.2.3. Lựa chọn mô hình học tập

Nhìn chung, sự lựa chọn cơ cấu giờ học giữa trực tuyến và trực tiếp không có sự cách biệt quá xa giữa các phương án. Cụ thể: Phương án 1 (30% học online và 70% học trực tiếp) có 24,7% SV lựa chọn; Phương án 2 (20% và 80%) có 20,4% lựa chọn; Phương án 3 (40% và 60%) có 26,2% lựa chọn; và Phương án 4 (50% và 50%) có 28,7% SV chọn.

Như vậy, xu hướng chung SV vẫn muốn có sự cân bằng giữa thời lượng học trực tuyến và học trực tiếp (chọn phương án 50% và 50%). Kết quả phản ánh đúng với sự băn khoăn của SV khi cho rằng thiếu sự tiếp xúc trực tiếp sẽ khó khăn trong lựa chọn, giải quyết các mục tiêu học tập. Đây là SV sư phạm với giờ thực hành, thí nghiệm ít, chúng tôi cho rằng sự lựa chọn trên là khá hợp lý. Khi sử dụng kết quả khảo sát này để thiết kế chương trình học Blended learning cho sinh viên các chuyên ngành có yêu cầu giờ thí nghiệm, thực hành nhiều hơn cần phải lưu ý để có thể tăng thời lượng học trực tiếp lên nhiều hơn.

### 3. Kết luận và khuyến nghị

Từ kết quả khảo sát nhận thức của SV về hình thức dạy học Blended learning tại Trường Đại học Sài Gòn có thể rút ra SV có nhận thức rất tốt về hình thức dạy học này. Những lợi ích của Blended learning được khẳng định cho thấy SV sẵn sàng chấp

nhận việc tổ chức học tập theo hình thức này. Những khó khăn, thách thức có thể là không quá lớn, nhưng một số mặt cần được lưu ý như học tập ít giao tiếp trực tiếp có thể làm cho động cơ học tập bị giảm sút do ý thức tự giác học tập chưa cao (có thể là khi học trực tiếp áp lực từ thầy cô buộc họ phải học cao hơn); hạ tầng công nghệ thông tin xã hội (mạng Internet, kết nối không dây...) và khả năng trang bị thiết bị đầu cuối của gia đình vẫn là vấn đề SV lo ngại. Những bất cập này cũng đã khẳng định trong thực tiễn, khi đại dịch Covid 19 xảy ra, việc học trực tuyến vẫn còn nhiều trở ngại, nhất là kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của cả thầy, trò còn yếu; nhiều nơi mạng không có hoặc bị yếu, bị rung lắc, ngắt quãng thường xuyên; đặc biệt là ý thức học tập của nhiều SV chưa tốt, ảnh hưởng khá nghiêm trọng đến chất lượng dạy và học.

Từ đó, chúng tôi khuyến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo và lãnh đạo các trường đại học: 1) Cần xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể để triển khai dạy học theo hình thức Blended learning. Đây là hình thức đã được khẳng định trên thế giới từ vài thập kỷ trước, hiện hầu hết các quốc gia đang sử dụng. Trước yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0, không thể chậm hơn; 2) Sự nhận thức của SV như đã trình bày ở trên cho thấy những nội dung cần ưu tiên trong đề án triển khai Blended learning là giáo dục nâng cao nhận thức và động cơ học tập cho SV, có cơ chế chống học đối phó, học chỉ để lấy bằng cấp/chứng chỉ mà không quan tâm đến kiến thức, kỹ năng thu nhận được; vận động xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư để hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin và thiết bị đầu cuối cho người học; đẩy nhanh việc xây dựng thư viện điện tử với đầy đủ học liệu, truy cập mở... để người học thuận lợi trong khai thác, sử dụng.

### Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng*, Hà Nội.

[2] Bonk, C.J. & Graham, C.R. (Eds). (2016). *The Handbook of Blended Learning: Global Perspectives, Local Designs - 2st Edition*. Publisher: John Wiley & Sons.

[3] Bokolo, A. Jr., Adzhar K., Awanis R., Anis F. M. R., Danakorn N. A. L. E. P., Aziman A. Gan L. M. (2020). Blended Learning Adoption and Implementation in Higher Education: A Theoretical and Systematic Review. *Technology, Knowledge and Learning, volume 27, pages 531–578*.